

CHÍNH SÁCH CỦA TRUNG QUỐC ĐỐI VỚI CÁC DÂN TỘC CÓ DÂN SỐ ÍT TỪ NĂM 2000 ĐẾN NAY¹

ThS. Lê Ngọc Huỳnh
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Bước vào thế kỷ XXI, Trung Quốc đang phải đối diện với nhiều thách thức, trong đó nổi lên là sự phát triển yếu kém của các dân tộc thiểu số có dân số ít sống tại vùng sâu, vùng xa và nơi biên viễn. Nhận thức rõ tầm quan trọng của vấn đề, Chính phủ Trung Quốc đã đưa ra các kế hoạch hỗ trợ phát triển với nhiều chính sách ưu tiên về tài chính, giáo dục, y tế... nhằm khai thác những lợi thế tự nhiên và thúc đẩy sự phát triển của người dân cư tại. Qua gần hai thập kỷ thực hiện chính sách, Chính phủ và người dân Trung Quốc đã đạt được nhiều thành công trong công cuộc xóa đói giảm nghèo và phát triển.

Từ khóa: Trung Quốc, chính sách dân tộc, dân tộc thiểu số có dân số ít.

Abstract: China enters the 21st century with many challenges, amongst which is the low level of socio-economic development of small populated ethnic minorities living in the peripheries and remote areas. Being aware of this situation, the Chinese government has made plans to support ethnic minorities' development through financial aid, education, and health care policies. The purposes of these policies are utilizing the natural benefits and promoting the inner strength of the local people. After almost two decades of implementing these policies, the Chinese government and people have accomplished many achievements in poverty reduction and development.

Keywords: China, ethnic policy, small populated ethnic minorities.

Ngày nhận bài: 21/9/2020; ngày gửi phản biện: 23/11/2020; ngày duyệt đăng: 29/11/2020

Mở đầu

Theo thống kê chính thức, hiện nay Trung Quốc có 56 tộc người, trong đó người Hán chiếm đa số (91,51% tổng dân số) và 55 tộc người thiểu số (chiếm 8,49%) (Ủy ban Dân tộc Trung Quốc, 2020). Trong số 55 tộc người thiểu số có 28 dân tộc có dân số từ 300.000 người trở xuống được gọi là những dân tộc có dân số ít (Lý Tinh, 2010). Nhóm dân tộc này ở Trung Quốc chủ yếu định cư tại các vùng biên giới, trong đó tập trung nhiều ở Vân Nam và Quảng Tây, hai tỉnh có chung đường biên giới với Việt Nam. Do điều kiện địa lý tự nhiên không thuận lợi, chủ yếu là vùng núi cao, địa hình phức tạp, cùng với các yếu tố văn hóa,

¹ Bài viết là một phần kết quả luận án tiến sĩ được tác giả đang thực hiện tại Minzu University of China.

lịch sử tộc người và xuất phát điểm phát triển xã hội..., các dân tộc có dân số ít ở Trung Quốc còn gặp nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế và ổn định đời sống.

Từ công cuộc đổi mới khởi xướng vào năm 1978, Chính phủ Trung Quốc đã ban hành nhiều chính sách phát triển kinh tế tại địa bàn sinh sống của nhóm dân tộc có dân số ít, như chính sách Đại khai phá miền Tây, chiến lược Hung biên phủ dân. Các chính sách này nhằm thúc đẩy khu vực phía Tây và vùng biên giới của Trung Quốc phát triển toàn diện, từng bước xóa đói giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách phát triển với những nơi có kinh tế phát triển dọc duyên hải từ Nam đến Bắc. Mặc dù chính sách Đại khai phá miền Tây và Hung biên phủ dân đã đạt được nhiều kết quả trong việc thúc đẩy miền Tây và vùng biên giới của Trung Quốc phát triển, nhưng đời sống của nhóm tộc người có dân số ít ở vùng này vẫn chưa được cải thiện một cách đáng kể.

Trong hội nghị Dân tộc Trung ương đầu năm 2000, các nhà khoa học xã hội Trung Quốc nêu ý kiến rằng, một số dân tộc có dân số ít sống ở vùng biên giới có sự phát triển yếu kém về mọi phương diện, điều này đang là trở ngại rất lớn trong công tác dân tộc, giải quyết vấn đề đoàn kết giữa các dân tộc và hơn hết nó sẽ là thách thức cho phát triển bền vững của Trung Quốc trong thế kỷ XXI (Lưu Hiều Xuân, 2019). Trong bối cảnh đó, Chính phủ Trung Quốc đã xây dựng kế hoạch phát triển đối với nhóm các dân tộc này thông qua hàng loạt các chính sách ưu tiên, với quy hoạch chi tiết, rõ ràng, nhằm mang lại hiệu quả cao. Kết quả thực hiện đã thu được nhiều thành tựu, góp phần làm thay đổi diện mạo kinh tế, văn hóa, xã hội của nhóm dân tộc thiểu số có dân số ít tại vùng biên giới. Song, trong quá trình triển khai vẫn còn một số vướng mắc khiến kết quả chưa thật sự như mong muốn. Bài viết này chủ yếu khái quát về một số chính sách hỗ trợ các dân tộc thiểu số có dân số ít của Trung Quốc trong giai đoạn 2000 đến 2016.

1. Quan điểm của Trung Quốc về dân tộc thiểu số có dân số ít

Theo kết quả điều tra dân số năm 2010, Trung Quốc có 22 dân tộc có số lượng nhân khẩu từ 100.000 người trở xuống với tổng dân số 630.000 người, phân bố chủ yếu ở vùng biên giới của 10 tỉnh thuộc vùng Đông Bắc, Tây Nam, trong đó tập trung nhiều tại Vân Nam, Quảng Tây. Trong kế hoạch hỗ trợ các dân tộc thiểu số có dân số ít phát triển giai đoạn 2010 - 2015, Trung Quốc đã điều chỉnh quan niệm về các dân tộc có dân số ít, theo đó các dân tộc có số lượng nhân khẩu từ 300.000 người trở xuống được coi là dân tộc thiểu số có dân số ít. Vì thế, số lượng các dân tộc được hỗ trợ phát triển mở rộng từ 22 lên 28 dân tộc, với số nhân khẩu là 1.891.200, chiếm 1,66% trong tổng số dân tộc thiểu số ở Trung Quốc (Hà Chí Băng, 2013). Cộng đồng các dân tộc này sinh sống tại 640 thôn, trên địa bàn 238 xã, thị trấn của 86 huyện thuộc 10 tỉnh (Thạch Á Châu, 2008).

Chính phủ Trung Quốc cho rằng, hiện nay các dân tộc thiểu số có dân số ít còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, trình độ phát triển kém hơn nhiều vùng khác trong cả nước, cụ thể, theo Vương Thiết Chí (2005) và Lưu Hiểu Xuân (2019), gồm:

Thứ nhất, về đời sống kinh tế, người dân chủ yếu dựa vào trồng trọt và khai thác tự nhiên, mang nặng tính tự cung tự cấp, cơ sở kinh tế yếu nên chưa có khả năng chuyển đổi sang mô hình kinh tế hàng hóa.

Thứ hai, cơ sở hạ tầng lạc hậu, hệ thống đường giao thông chưa hoàn thiện, phần lớn địa bàn sinh sống của các dân tộc này không có đường quốc lộ, đi lại rất khó khăn, cùng với thiếu sự quan tâm từ Chính phủ nên cơ sở hạ tầng của khu vực này còn lạc hậu so với các vùng miền khác. Giao thông không thuận tiện khiến giá hàng nông sản bị đẩy cao khó cạnh tranh tiêu thụ nên không kích thích được sản xuất và phát huy nguồn tài nguyên tại chỗ. Sự thiếu vắng của mạng lưới điện đặt ra nhiều thách thức cho sinh hoạt và sản xuất của người dân mà điển hình là năng lực cơ giới hóa chưa thể triển khai. Hệ thống truyền thông thông tin liên lạc gần như không có, người dân chưa thể tiếp cận được dịch vụ internet, hệ thống truyền thanh, truyền hình, điều này ảnh hưởng rất lớn đối với đời sống sinh hoạt, sản xuất và sự phát triển kinh tế.

Thứ ba, tình trạng kém phát triển về kinh tế cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng khiến giáo dục cơ bản, chỉ số phát triển con người của các dân tộc này ở mức thấp. Cơ sở vật chất cho giáo dục còn nghèo, thiếu trường lớp, giáo viên, trình độ giáo viên cũng còn nhiều hạn chế, học sinh đến tuổi đi học không đến trường, hoặc bỏ học sớm, dẫn đến thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao.

Thứ tư, hệ thống y tế công cộng, bao hiểm xã hội chưa đáp ứng được nhu cầu cơ bản của người dân, phần lớn người dân chữa bệnh theo kinh nghiệm dân gian, không biết đến trạm y tế, bảo hiểm xã hội.

Kết quả điều tra dân số năm 2000 của Chính phủ Trung Quốc cho thấy, trong nhóm dân tộc thiểu số có dân số ít có tỷ lệ lớn người nghèo đói. Tại khu vực cư trú của các tộc người này, gần 25% số thôn không có điện; 72,1% thôn không có điện thoại; 53,7% số thôn không có hệ thống bưu điện; 43,2% số thôn không có đường quốc lộ; hơn 86% thôn không có hệ thống phát thanh, truyền hình; hơn 67% số thôn không có nước sạch để dùng (Thạch A Châu, 2008).

2. Chính sách hỗ trợ phát triển đối với các dân tộc có dân số ít của Chính phủ Trung Quốc

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, chính sách hỗ trợ phát triển của Chính phủ Trung Quốc đối với các dân tộc thiểu số có dân số ít chủ yếu hỗ trợ người dân phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập, xây dựng cơ sở hạ tầng, tiếp cận dịch vụ giáo dục và y tế. Song, chính sách đó không phải thực hiện một cách đồng loạt, ồ ạt mà được chia ra nhiều giai đoạn, từ thử nghiệm đến mở rộng, toàn diện và đi vào chiều sâu, bao gồm các giai đoạn dưới đây.

2.1. Giai đoạn 2000 - 2005

Giai đoạn mở đầu mang tính thử nghiệm các chính sách đối với nhóm các dân tộc thiểu số có dân số ít của Trung Quốc. Vào năm 2000, sau khi có cơ sở khoa học để đánh giá và xem xét xây dựng chính sách, Quốc vụ viện và Ủy ban Dân tộc Trung Quốc tiến hành thảo luận công tác xây dựng chính sách giúp đỡ các dân tộc này phát triển kinh tế. Theo đó, Chính phủ Trung Quốc tập trung vào những khó khăn nhất mà người dân phải đối mặt với bốn nhiệm vụ chính: “xây dựng cơ sở hạ tầng, điều chỉnh cơ cấu kinh tế, phát triển khoa học giáo dục, tăng cường năng lực” (Chu Ngọc Phúc, Ngũ Thục Hoa, 2011). Chính phủ huy động nhiều kênh nguồn lực để xây dựng, cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện sản xuất, điều chỉnh lại cơ cấu kinh tế theo hướng thị trường nhằm tăng thu nhập, phát triển khoa học kỹ thuật, giáo dục và văn hóa, mở rộng và nâng cấp hệ thống y tế đáp ứng được nhu cầu cơ bản của người dân, thúc đẩy sự tiến bộ xã hội, tăng cường bồi dưỡng và nâng cao tri thức, sức khỏe cho người dân. Để hoàn thành nhiệm vụ này, Chính phủ Trung Quốc thực hiện cơ chế quản lý mang tính linh động Quốc gia hỗ trợ, tính chịu toàn bộ trách nhiệm, huyện nắm tình hình thực tế, từ đó áp dụng vào điều kiện thực tế, áp dụng với từng dân tộc, từng thôn, từng khu vực, có thể mỗi thôn ban hay dân tộc có một chính sách riêng phù hợp (Chu Ngọc Phúc, 2011).

Trong xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông được coi là động lực chính cho phát triển kinh tế và các dịch vụ xã hội khác. Do đó, Trung Quốc đã đầu tư hàng tỉ Nhân dân tệ vào cải tạo, xây dựng các tuyến đường bộ kết nối từ thành phố đến trung tâm huyện, xã. Riêng tỉnh Vân Nam được đầu tư 7000 vạn Nhân dân tệ thực hiện 325 dự án xây dựng đường kết nối từ huyện tới xã (Lý Nhược Thanh, 2008). Do tính phức tạp của địa hình miền núi, vốn đầu tư nhiều mà mạng lưới giao thông vẫn chưa về đến thôn bản của người dân, song việc cải tạo và xây dựng hệ thống giao thông ở giai đoạn này đã bước đầu hỗ trợ người dân có điều kiện vận chuyển sản phẩm nông nghiệp đến với thị trường tiêu thụ ở thành phố lớn được dễ dàng hơn.

Chính phủ Trung Quốc cũng đã tăng cường đầu tư, cải thiện môi trường sản xuất cho người dân, cung cấp các giống cây trồng, vật nuôi mới, tập huấn các kỹ thuật trồng trọt chăn nuôi, thực hiện bao tiêu sản phẩm. Tại tỉnh Vân Nam, thực hiện thí điểm chương trình liên kết sản xuất nhằm cơ giới hóa trong nông nghiệp, với 160 hộ tham gia. Trong chăn nuôi, 4 - 5 hộ kết hợp lại quy mô lớn, chủ yếu nuôi gà, dúi (6.200 con) do Chính phủ hỗ trợ nguồn giống, kỹ thuật và tài chính 4626 vạn Nhân dân tệ (Lý Nhược Thanh, 2008). Hoạt động này bước đầu làm thay đổi nhận thức của người dân trong vấn đề sản xuất, hạn chế dần mức phụ thuộc vào khai thác tự nhiên. Cùng với đó, từ năm 2002, Bộ Giáo dục Trung Quốc đã ban hành chính sách ưu tiên và nghĩa vụ giáo dục đối với nhóm các dân tộc thiểu số có dân số ít. Từ năm 2004, toàn bộ học sinh tiểu học của 22 dân tộc thuộc nhóm này được miễn học phí và cung cấp sách giáo khoa. Nhằm phát triển nguồn nhân lực, Chính phủ Trung Quốc xây dựng chương trình đào tạo bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ nguồn ở địa phương. Bên cạnh đó, có các chính sách hỗ trợ, ưu đãi, luân chuyển cán bộ và thu hút

nhân tài từ các địa phương khác đến hỗ trợ phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục và y tế cho vùng đồng bào các dân tộc thiểu số có dân số ít.

Mặc dù, các chính sách hỗ trợ phát triển dành cho các dân tộc có dân số ít giai đoạn 2000 - 2005 mới chỉ mang tính thử nghiệm nhưng bước đầu đã đạt được kết quả khả quan, đặc biệt là trong việc nâng cao thu nhập cho người dân. Đến cuối năm 2003, thu nhập trung bình của các dân tộc này chỉ đạt 884 tệ (khoảng 2 triệu VND năm 2003), nhưng đã tăng lên hơn 1000 tệ vào cuối năm 2005 (Chu Ngọc Phúc, 2011). Thành quả này đã chứng minh tính hiệu quả của chính sách, đồng thời tạo cơ sở tiếp tục mở rộng sự hỗ trợ.

2.2. Giai đoạn 2005 - 2010

Sau kết quả thử nghiệm của giai đoạn một, Chính phủ Trung Quốc quyết định tiến hành giai đoạn hai của chính sách hỗ trợ phát triển các dân tộc thiểu số có dân số ít bằng “*Kế hoạch phát triển dân tộc có dân số ít giai đoạn 2005 - 2010*”, được đưa ra bởi Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo tại Hội nghị Thường vụ Quốc vụ viện Trung Quốc, ngày 15/8/2005 (Thạch Á Châu, 2008). Theo đó, Chính phủ Trung Quốc đưa ra các mục tiêu rõ ràng như: (1) Đối tượng được trợ giúp phát triển là 22 dân tộc có dân số 100.000 người trở xuống, phân bố trong 10 tỉnh vùng biên giới; (2) Tập trung phát triển những vùng đặc biệt khó khăn, tức những nơi có cơ sở hạ tầng kém, điều kiện tự nhiên vô cùng khắc nghiệt, tỷ lệ nghèo đói cao, cùng với đó là hệ thống phục vụ công cộng lạc hậu, trình độ giáo dục, văn hóa, hệ thống y tế, bảo hiểm và đặc biệt là nguồn nhân lực còn yếu chưa đáp ứng nhu cầu phát triển; (3) Tập trung nguồn lực vào phát triển cơ sở hạ tầng, giải quyết những vấn đề khó khăn đang cấp bách để giúp cho các cộng đồng này đạt được “*bốn thông, năm có, ba đạt*”² (Ủy ban Dân tộc Trung Quốc, 2020). Đây là cơ sở để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, đưa mức sống của người dân lên bằng mức trung bình của khu vực và tiến đến đạt mặt bằng chung của cả nước.

Để hoàn thành các mục tiêu và nhiệm vụ đưa ra, Chính phủ Trung Quốc và các cấp chính quyền địa phương đã đầu tư khoảng 37,51 tỷ Nhân dân tệ thực hiện 11.168 dự án, trong đó 83% nguồn vốn được đầu tư vào xây dựng cơ sở hạ tầng, 17% còn lại đầu tư cho các hạng mục phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập của người dân (Cánh Tân, 2019). Trong xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, năng lượng và hệ thống thủy lợi là ba hạng mục được ưu tiên phát triển trong giai đoạn này. Việc cải tạo, xây dựng cơ sở hạ tầng và các hạng mục công ích xã hội luôn được ưu tiên nguồn vốn từ Chính phủ và sắp xếp nguồn tài chính riêng cho các dự án này (Lý Nhược Thanh, 2008). Điều tiết nguồn tài chính riêng, không chông chéo với các dự án khác, khiến dự án được triển khai nhanh, hiệu quả. Vì vậy, hệ thống đường quốc lộ, đường sắt nhanh chóng được nâng cấp và xây mới. Hàng loạt đập thủy điện được xây dựng trên các dòng sông lớn, mà điển hình là các đập thủy điện trên dòng sông Lan

² *Bốn thông* tức là thông đường, thông điện, thông thủy lợi, thông tín tức; *Năm có* tức có nhà ở, có học, có nhà vệ sinh, có nước sạch dùng, có thể đảm bảo an ninh, mặc ấm; *Ba đạt* tức đảm bảo thu nhập bình quân đầu người, bình quân lương thực và đạt tới phổ cập giáo dục trung học cơ sở

Thương (Mê Kông) để giải quyết nguồn năng lượng và điều tiết hệ thống thủy lợi cho phát triển nông nghiệp của người dân tộc tại các vùng này.

Kết quả cho thấy, đến cuối năm 2008, trong số 640 thôn bản thực hiện chương trình thì 576 thôn đã có đường quốc lộ (chiếm 90%), 610 thôn có điện cho chiếu sáng và sản xuất (chiếm 95,3%). 523 thôn có nước sạch (chiếm 81,7%). Mạng lưới thông tin liên lạc cũng được nâng cao rõ rệt với 69,7% số thôn đã có hệ thống bưu chính và mạng lưới điện thoại (Lý Tinh, 2010). Nhờ các chương trình phát triển kinh tế, cơ cấu ngành kinh tế của những địa phương có sự hỗ trợ đã thay đổi nhanh chóng. Người dân đã chuyển từ khai thác tự nhiên sang các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi có quy mô lớn hơn, từng bước hướng đến kinh tế thị trường. Cơ cấu ngành kinh tế đang có sự dịch chuyển dần sang công nghiệp, một số nơi ngành công nghiệp đã góp phần thúc đẩy nền kinh tế của địa phương. Thu nhập của người dân ở những cộng đồng này đã tăng lên mức 1948 nhân dân tệ/người/năm, cao hơn mức dự kiến của kế hoạch đề ra (1064 nhân dân tệ). Bình quân lương thực đầu người đạt 398,5kg/người/năm (Cánh Tân, 2017).

Công tác trợ giúp các dân tộc thiểu số có dân số ít đã bước đầu làm thay đổi nhận thức của người dân trong phát triển sản xuất, nâng cao mức sống, trình độ văn hóa giáo dục, y tế, đặc biệt là mạng lưới giao thông đã được nâng cao cả về chất và lượng. Tuy vậy, tỷ lệ nghèo có giảm nhưng vẫn còn cao hơn mức trung bình của cả nước 3,8%; giao thông chưa được cải thiện đồng bộ, vẫn còn nhiều địa phương thiếu đường quốc lộ, điện; hệ thống y tế công cộng chưa đáp ứng được nhu cầu chữa bệnh cơ bản của người dân; tỷ lệ học sinh đến trường chưa cao, chất lượng đội ngũ giáo viên còn nhiều hạn chế dẫn đến mức độ phổ cập giáo dục còn thấp, thu nhập của người dân mới phần nào đảm bảo no ấm, nhưng kinh tế vẫn chủ yếu là nông nghiệp chưa tạo được bước phát triển, thiếu ngành nghề mang tính đột phá (Triệu Quân Khôi, 2020).

2.3. Giai đoạn 2011 - 2015

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XVIII (năm 2012) của Trung Quốc, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản, Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình tiếp tục chỉ đạo công tác hỗ trợ đối với các dân tộc thiểu số có dân số ít, coi đây là vấn đề quan trọng đối với công tác dân tộc của Trung Quốc trong bối cảnh mới có nhiều biến động. Năm 2011, Chính phủ Trung Quốc ban hành “Kế hoạch giúp đỡ các dân tộc ít người có dân số ít phát triển giai đoạn 2011 - 2015”. Cũng trong năm 2011, 36 cơ quan trực thuộc Quốc vụ viện Trung Quốc thành lập hội nghị liên hiệp hỗ trợ phát triển các dân tộc thiểu số có dân số ít, đồng thời, xác định đây là giai đoạn thực hiện công tác dân tộc mang tính chất *toàn diện, mạnh mẽ và sâu rộng* hơn các giai đoạn trước.

Kế hoạch lần này tập trung vào bốn điểm sau: (1) Điều chỉnh số lượng các dân tộc ít người có dân số ít từ 22 lên 28 dân tộc, quy định về nhân khẩu từ 100.000 người lên 300.000 người, phân bố trên phạm vi 13 tỉnh và số lượng thôn bản được trợ giúp từ 640 của giai đoạn

trước lên 2.119 thôn; (2) Điều chỉnh và mở rộng hơn phạm vi hỗ trợ, mang tính chiều sâu hơn như nguồn tài chính, các ngành nghề; (3) Các tiêu chuẩn đưa ra đòi hỏi cao hơn và cụ thể hơn trước, tức là tại các thôn bản thực hiện “năm thông, mười cơ”³; (4) Nhiệm vụ và các công trình trọng điểm được xác định rõ ràng, chi tiết. Để hoàn thành mục tiêu và nhiệm vụ trên, từ năm 2011 - 2014, Chính Phủ Trung Quốc và chính quyền các cấp đã huy động các kênh nguồn vốn khác nhau đầu tư cho nhóm các dân tộc này khoảng 66,07 tỷ Nhân dân tệ để thực hiện 9.356 hạng mục công trình (Cảnh Tân, 2019). Ngoài ra, chính sách này còn nhằm mục tiêu “một giảm, hai đạt, ba tăng”⁴ (Chu Ngọc Phúc, 2011).

Năm 2014, các hộ chăn nuôi có thu nhập trung bình năm là 5907 Nhân dân tệ, tăng 67,7% so với năm 2010; tỷ lệ hộ nghèo còn 27,3%, giảm 8,4% so với năm 2010; mức độ bê tông hóa đường giao thông thôn/bản đạt tỷ lệ cao với 1.671/2.119 thôn; 76,7% số thôn bản có điện chiếu sáng, trong đó số hộ gia đình dùng điện đã tăng 2,4 lần; hiện có 9,8 vạn hộ dân có máy tính để bàn và sử dụng internet, tăng 6,6% so với năm 2010 (Lưu Hiểu Xuân, 2019). Nhìn chung, cơ sở hạ tầng giao thông được cải thiện rõ rệt, mạng lưới giao thông được bê tông hóa về đến các thôn bản, giúp cho cuộc sống của người dân có nhiều thay đổi. Đời sống vật chất và tinh thần được nâng cao rõ rệt. Các dịch vụ công cộng như hệ thống y tế, giáo dục, bảo hiểm xã hội giai đoạn này đã đạt được bước tiến dài. Hệ thống trường học, tỷ lệ học sinh đến lớp và phổ cập giáo dục có nhiều thay đổi. Cuối năm 2014 toàn bộ số thôn bản được triển khai đã có trường học mầm non. Nhờ chính sách miễn học phí, bao cấp chỗ ở nội trú, tiền ăn, tiền sách vở mà tỷ lệ học sinh đến lớp đạt 79,6%, tăng 11,8% so với năm 2010, trình độ văn hóa của người dân đã được nâng cao hơn, có nhận thức tích cực đối với vấn đề giáo dục. Hệ thống y tế thôn, xã đã đáp ứng được yêu cầu cơ bản về điều trị cho người dân (Lưu Hiểu Xuân, 2019).

2.4. Giai đoạn 2016 đến nay

Trong kế hoạch 5 năm lần thứ 13, Chính phủ Trung Quốc đã đề ra “Kế hoạch thúc đẩy sự phát triển của khu vực dân tộc và các dân tộc thiểu số có dân số ít”, nhằm tiếp tục chương trình trợ giúp đối với các dân tộc thiểu số có dân số ít. Kế hoạch lần này vẫn nhấn mạnh đến công tác giúp đỡ các dân tộc có dân số ít và khẳng định tầm quan trọng của vấn đề đó trong công tác dân tộc. Qua đây cho thấy, công tác dân tộc là vấn đề phức tạp và mang tính chất lâu dài. Để thực hiện mục tiêu đề ra, 13 cơ quan hữu quan của Chính phủ Trung Quốc phối hợp cùng nhau thực hiện.

³ Năm thông gồm: thông đường, thông điện, thông truyền hình, thông tin tức (điện thoại và internet) và thông nguồn năng lượng sạch; Mười cơ gồm: có nước sạch dùng, có nhà ở, có nhà vệ sinh, có ruộng/đồng cơ tạo ra năng suất cao mang tính ổn định, có hệ thống trường mầm non, có nhà vệ sinh hợp tiêu chuẩn, có nhà văn hóa và phòng đọc sách cho người dân, có nơi tập thể dục và hoạt động văn hóa dân tộc, có phòng làm việc cho cán bộ thôn và siêu thị bán sản phẩm nông nghiệp.

⁴ Một giảm tức giảm ít nhất một nửa số lượng người nghèo trong cộng đồng các dân tộc này; Hai đạt tức thu nhập bình quân đầu người ít nhất đạt mức trung bình của cộng đồng cư dân khu vực họ sinh sống, một nửa số người sống bằng nghề chăn nuôi gia súc có mức thu nhập bình quân bằng hoặc lớn hơn mức trung bình của cả nước; Ba tăng tức là tăng chất lượng cơ sở hạ tầng, tăng mức sống của người dân và nâng cao năng lực của mỗi cá nhân.

Trong kế hoạch trợ giúp lần này, Chính phủ Trung Quốc đặc biệt nhấn mạnh đến việc đẩy nhanh tốc độ phát triển khu vực dân tộc thiểu số ít người, xóa bỏ tình trạng đói nghèo, chú trọng đến vấn đề chính sách nhằm *phát huy tối đa tiềm năng nội tại của mỗi dân tộc*, từ đó hoàn thiện cơ chế quản lý và chính sách trợ giúp. Nội dung chính sách thể hiện trong 4 vấn đề chính như: (1) Cố gắng thực hiện quan điểm chỉ đạo chiến lược của Tổng Bí thư Tập Cận Bình trong công tác dân tộc là đẩy lùi dần đi đến xóa bỏ tình trạng thôn bản khó khăn, tiến tới không còn hộ nghèo, đưa mức sống của người dân bằng mức trung bình của cả nước trở lên; (2) Chính sách khác biệt hóa hay còn gọi là chiến lược “gặm xương”, từng bước giúp người dân thoát nghèo. Chính sách này là sự kết hợp chặt chẽ giữa các nguồn hỗ trợ tài chính, hướng đầu tư của Chính phủ với sự phát triển nội tại của người dân địa phương, giúp họ khai thác tốt các điều kiện sẵn có để có được nguồn sinh kế bền vững, từng bước thoát nghèo hướng đến đạt mức sống trung bình của cả nước và phát triển hơn nữa; (3) Đưa khoa học kỹ thuật vào đời sống, đặc biệt áp dụng khoa học vào phát triển nền nông nghiệp hiện đại, mang tính thị trường toàn cầu. Chính phủ Trung Quốc đưa ra mục tiêu đến năm 2020 trong các cộng đồng trên phải thực hiện được mục tiêu “*một đạt, hai thoát, ba đảm bảo*”⁵; (4) Tập trung giúp đỡ các dân tộc có mức phát triển tương đối lạc hậu thoát nghèo, tiến đến mức sống trung bình, xây dựng được cơ sở kinh tế tương đối vững chắc, phát triển tương đối toàn diện (Cảnh Tân, 2017).

Kết luận

Bên cạnh các chính sách Đại khai phá miền Tây và Hưng biên phủ dân nhằm phát triển kinh tế ở những địa bàn khó khăn, vùng biên giới của Trung Quốc, Chính phủ Trung Quốc đã chú trọng đến vấn đề phát triển của các dân tộc có dân số ít, coi đây là một vấn đề then chốt trong thực hiện công tác dân tộc, xóa bỏ khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền và các dân tộc ở Trung Quốc.

Từ năm 2000 đến nay, kế hoạch phát triển các dân tộc thiểu số có dân số ít của Trung Quốc đã trải qua 4 giai đoạn khác nhau, từ bước đầu thử nghiệm đến mở rộng, thực hiện mang tính toàn diện có chiều sâu. Các chính sách đều tập trung khắc phục tình trạng kém phát triển của người dân, nhấn mạnh phát triển cơ sở hạ tầng, trong đó đặc biệt là lĩnh vực giao thông. Đây có thể coi là bước đi mang tính quyết định, bởi giao thông giữ vai trò hết sức quan trọng đối với phát triển kinh tế, hơn nữa kinh tế đi lên là cơ sở và động lực cho sự phát triển giáo dục, y tế và các lĩnh vực khác. Cơ chế chính sách có tính linh hoạt phù hợp với điều kiện thực tế của từng thôn, bản, dân tộc và khu vực. Hơn nữa, nguồn vốn đầu tư tập trung, không chồng chéo với các chương trình đầu tư khác giúp cho việc triển khai dự án được nhanh và đạt hiệu quả cao.

⁵ *Một đạt* tức là thu nhập bình quân đầu người đạt mức tiêu chuẩn quốc gia; *Hai thoát* là không còn thôn nghèo, không còn hộ nghèo; *Ba đảm bảo* tức đảm bảo phổ cập giáo dục 9 năm, đảm bảo có nhà ở, đảm bảo điều kiện y tế cơ bản.

Gần hai thập kỷ nhận được sự trợ giúp của Chính phủ, hệ thống cơ sở hạ tầng trong vùng các dân tộc thiểu số có dân số ít đã được cải thiện, đời sống của người dân không ngừng nâng cao, trình độ văn hóa, giáo dục đã được nâng lên rõ nét. Kết quả này thể hiện tinh đúng đắn trong chính sách và sự quan của Nhà nước Trung Quốc kết hợp với nỗ lực của người dân, ổn định và phát triển của người dân là mục tiêu chính của Chính phủ Trung Quốc.

Bên cạnh những thành tựu cũng tồn tại một vài hạn chế. Các dân tộc sống đan xen lẫn nhau trong cùng một thôn hay cùng một khu vực, trình độ phát triển và mức sống không có sự khác biệt lớn, nhưng chính sách ưu tiên dành cho dân tộc có dân số ít quá nhiều, trong khi các dân tộc còn lại không được hưởng hoặc hưởng lợi ít hơn từ chính sách của Nhà nước, ảnh hưởng đến quan hệ dân tộc và dễ xảy ra mâu thuẫn sắc tộc. Nguồn tài chính hỗ trợ tuy lớn 37,51 tỷ Nhân dân tệ nhưng thực hiện 11.168 dự án trên 640 thôn thì mỗi thôn chỉ được 590 vạn Nhân dân tệ trong 5 năm (Chu Ngọc Phúc, 2011), con số này quá ít để phát triển giao thông nơi có địa hình khó khăn, đòi hỏi chi phí lớn, dẫn đến việc mở rộng đường không đúng tiêu chuẩn, chất lượng thi công có nhiều bất cập. Nhiều dân tộc vẫn đang sống dựa vào săn bắt, trình độ dân trí còn hạn chế, thậm chí chưa nói được tiếng phổ thông, nay thì hành chính sách hỗ trợ, yêu cầu người dân từ bỏ phương thức mưu sinh truyền thống, chuyển sang mô hình kinh tế mới là một thách thức rất lớn cho họ, dự án khó đạt được tính hiệu quả cao, nhất là khó đảm bảo tính bền vững.

Tài liệu tham khảo

1. Hà Chi Bằng (2013), "Nghiên cứu vấn đề phát triển dân tộc có dân số ít ở nước ta", *Tạp chí Đại học Dân tộc Tây Bắc*, Số 4, tr. 61-66.
2. Thạch Á Châu (2008), "Tìm hiểu vai trò của chuyên gia trong việc hoàn thiện hệ thống chính sách dân tộc - Nghiên cứu chính sách hỗ trợ phát triển đối với dân tộc thiểu số có dân số ít", *Tạp chí Đại học Dân tộc Trung ương*, Số 2, tr. 12-16.
3. Vương Thiết Chí (2005), "Ý nghĩa của việc nghiên cứu dân tộc thiểu số có dân số ít", *Tạp chí Dân tộc Hắc Long Giang*, Số 5, tr. 104-112.
4. Trần Cường (2017), "Nghiên cứu những khó khăn và biện pháp trong phân biệt đối tượng hỗ trợ là dân tộc thiểu số có dân số ít", *Tạp chí Học viện chủ nghĩa xã hội Vân Nam*, Số 4, tr. 115-119.
5. Triệu Quân Khôi (2020), "Tìm hiểu chính sách phát triển đối với các dân tộc có dân số ít dưới góc nhìn "mục tiêu giảm nghèo", *Tạp chí Đại học sư phạm Cát Lâm*, Số 4, tr. 117-124.
6. Chu Ngọc Phúc (2011), "Nhìn nhận và đánh giá về mức độ thực tiễn của chính sách giúp đỡ các dân tộc thiểu số có dân số ít của Trung Quốc", *Tạp chí Nghiên cứu dân tộc Quảng Tây*, Số 4, tr. 18-27.

7. Chu Ngọc Phúc, Ngũ Thục Hoa (2011), “Nghiên cứu chính sách và thực tiễn của Trung Quốc trong hỗ trợ các dân tộc thiểu số có dân số ít phát triển”, *Tạp chí Nghiên cứu dân tộc Quý Châu*, Số 3, tr. 22-28.
8. Diêm Lê Quyên, Khổng Khánh Long (2016), “Chính phủ hỗ trợ, xã hội giúp đỡ và hành động của nông dân - tìm hiểu động lực bên trong sự phát triển của vùng dân tộc thiểu số có dân số ít”, *Tạp chí Đại học dân tộc Tây Nam*, Số 7, tr. 19-25.
9. Cảnh Tân (2017), “Nghiên cứu đánh giá và thực trạng thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển đối với các dân tộc có dân số ít (Từ quan điểm lý thuyết chu trình chính sách công)”, *Tạp chí Đại học dân tộc Tây Nam*, Số 10, tr. 51-57.
10. Cảnh Tân (2019), “Đánh giá mức độ hài lòng và phân tích những nhân tố ảnh hưởng bởi chính sách hỗ trợ phát triển các dt có dân số ít - Dựa trên số liệu điều tra 698 bảng hỏi của 11 tỉnh”, *Tạp chí Nghiên cứu dân tộc học*, Số 1, tr. 94-97.
11. Lý Nhược Thanh (2008). “Nhân tố kinh tế của chính sách hỗ trợ các dân tộc thiểu số có dân số ít”, *Tạp chí tìm hiểu vấn đề kinh tế*, Số 11, tr. 179-183.
12. Lý Tinh (2010). “Nghiên cứu đối sánh chính sách trợ giúp các dân tộc thiểu số có dân số ít”, *Tạp chí Học viện Tài chính Nội Mong*, Số 8, tr. 68-72.
13. Lưu Hữu Xuân (2019), “Thực hiện chính sách và phát triển nhảy vọt của các dân tộc có dân số ít”, *Tạp chí Đại học dân tộc Quang Tây*, Số 6, tr. 153.
14. Ủy ban Dân tộc Trung Quốc, trên trang http://www.gov.cn/gzdt/2011-07/01/content_1897797.htm (Truy cập ngày 02/08/2020).
15. Ủy ban Dân tộc Trung Quốc, trên trang <http://www.neac.gov.cn>. (Truy cập ngày 22/08/2020).